

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *M* /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phân công cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản; quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Phân công cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản; quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định phân công cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản; quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 và điểm a khoản 3 Điều 59 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

b) Những nội dung không được quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được



sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Cơ quan cấp tỉnh không phải là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ trì soạn thảo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Phân công cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan mình.

2. Cơ quan cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định này giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra quyết định quy phạm pháp luật do cơ quan mình chủ trì soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 3. Đầu mối chủ trì rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Rà soát thường xuyên; rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là đầu mối chủ trì rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan mình;

b) Cơ quan cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định này là đầu mối chủ trì rà soát văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan mình chủ trì soạn thảo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Rà soát văn bản theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và rà soát trong trường hợp khác

Sở Tư pháp chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc kế hoạch rà soát văn bản trong các trường hợp khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và là đầu mối chủ trì tổ chức rà soát văn bản theo kế hoạch.

3. Tổng rà soát hệ thống văn bản

Sở Tư pháp có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp; là đầu mối chủ trì thực hiện kế hoạch tổng rà soát hệ thống văn bản.

4. Hệ thống hóa văn bản

Sở Tư pháp có trách nhiệm xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch hệ thống hóa văn bản theo định kỳ 05 năm một lần và là đầu mối chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch hệ thống hóa văn bản.

Điều 4. Cơ chế phân công, phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Trách nhiệm của cơ quan đầu mối chủ trì rà soát, hệ thống hóa văn bản

a) Tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định của Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Tư pháp;

b) Cơ quan đầu mối chủ trì rà soát gửi kết quả rà soát văn bản lấy ý kiến tham gia của Sở Tư pháp, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với trường hợp rà soát nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh) và các cơ quan, đơn vị có liên quan; giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; báo cáo kết quả rà soát theo quy định, đồng gửi Sở Tư pháp để theo dõi; tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền quyết định rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn quyết định công bố kết quả rà soát;

c) Cơ quan đầu mối chủ trì rà soát kiến nghị, tham mưu cơ quan có thẩm quyền xử lý kết quả rà soát văn bản theo quy định tại Điều 38 và Điều 44 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

d) Cơ quan đầu mối chủ trì rà soát thực hiện rà soát, xác định các nội dung của văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tiếp tục có hiệu lực, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh công bố toàn bộ hoặc một phần văn bản tiếp tục có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và khoản 5 Điều 4 Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP chậm nhất là trước 20 ngày văn

bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật được quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành có hiệu lực;

đ) Trước ngày mùng 05 tháng 01 hằng năm, cơ quan đầu mối chủ trì rà soát danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan mình gửi Sở Tư pháp để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê, sơ kết, tổng kết về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản gửi Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan phối hợp

a) Cử công chức tham gia tổng rà soát hệ thống văn bản, hệ thống hóa văn bản theo đề nghị của Sở Tư pháp;

b) Phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan mình theo đề nghị của cơ quan đầu mối chủ trì;

c) Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với kết quả rà soát thường xuyên trong thời hạn 03 ngày làm việc, đối với kết quả rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn, theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thời hạn 05 ngày làm việc, đối với kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản và kết quả hệ thống hóa văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

d) Cử đại diện cơ quan tham dự các cuộc họp, hội nghị thống nhất kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản, đề xuất hướng xử lý văn bản sau rà soát theo đề nghị của cơ quan đầu mối chủ trì hoặc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan đầu mối chủ trì và cơ quan phối hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Tham mưu thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 59 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

c) Thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 35 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

d) Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với kết quả rà soát văn bản, các kiến nghị xử lý sau rà soát đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do các cơ quan khác là đầu mối chủ trì thực hiện trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Kiểm tra, tổng hợp danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực,

tạm ngưng hiệu lực định kỳ hằng năm; xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 01;

e) Tổng hợp chung kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp theo quy định;

g) Kiểm tra, tổng hợp chung kết quả hệ thống hóa, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 50, Điều 51, Điều 52 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

h) Cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc rà soát, hệ thống hóa văn bản;

i) Tổng hợp, báo cáo thống kê, sơ kết, tổng kết về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản trên địa bàn tỉnh theo quy định;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 69, Điều 70 Luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Điều 56 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Bảo đảm nguồn nhân lực

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm bố trí công chức pháp chế theo vị trí việc làm được phê duyệt; cơ quan cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định này bố trí công chức làm công tác pháp chế hoặc giao cho một đơn vị trực thuộc làm đầu mối chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định của pháp luật và Quyết định này;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quyết định việc sử dụng chuyên gia, cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

3. Bảo đảm kinh phí

a) Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách;

b) Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc bảo đảm kinh phí cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.
2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo văn bản mới đó.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở; Thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Như Điều 6 (thi hành);
- HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và PT, TH Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh;
- Trung tâm TT&HN tỉnh;
- Lưu: VT, NC. *th*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc